DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 3576 ***/QĐ-VPCNCLQG***

ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng Kiểm định - Hiệu chuẩn**
Laboratory:	***Verification - Calibration laboratory***
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	**Công ty Cổ phần Thiết bị và Tư vấn Đo đạc Xây dựng Sao Việt**
Organization:	***Sao Viet Equipment and Consultant Surveying Construction Joint-Stock Company***
Số hiệu/ *Code*:	**VILAS 756**
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria:*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Đo lường - Hiệu chuẩn**
Field:	***Measurement - Calibration***
Người quản lý/ *Laboratory manager:*	**Khưu Thị Phương Hà**
Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:*	Từ ngày/*from* 20/11/2026 đến ngày/*to* 19 /11/2031
Địa chỉ/*Address*:	**69 đường Nguyễn Quý Đức, khu đô thị An Phú - An Khánh, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh** ***69 Nguyen Quy Duc Street, An Phu - An Khanh Urban Area, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City***
Địa điểm/*Location*:	**69 đường Nguyễn Quý Đức, khu đô thị An Phú - An Khánh, phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh** ***69 Nguyen Quy Duc Street, An Phu - An Khanh Urban area, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City***
Điện thoại/ *Tel*:	**(028) 62960598**
E-mail:	**saoviet@maydodacsaoviet.com**
Website:	**maydodacsaoviet.com**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 756

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Độ dài**

Field of calibration: ***Length***

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn *Measurand/ equipment calibrated*	Phạm vi đo *Range of measurement*	Quy trình hiệu chuẩn *Calibration Procedure*	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)[1]/ *Calibration and Measurement Capability (CMC)[1]*
1.	**Máy thủy bình** ***Levels***	Độ lệch chuẩn đo cao (m) *Standard deviation height* ≥ 0,7 mm	QT-HCMTB-PHC:2019	0,6 mm
2.	**Máy kinh vĩ** ***Theodolites***	Độ chính xác đo góc *Accuracy of angle* ≥ 1″	QT-HCMKV-PHC:2019	1,3″
3.	**Toàn đạc điện tử** ***Total Stations***	Độ chính xác đo góc *Accuracy of angle* ≥ 1″	QT-HCMTĐ-PHC:2020	1,3″
		Độ chính xác đo cạnh (n) *Accuracy of distance* ≥ (1,5 + 2 ppm x D) mm [D]: mm		1,5 mm
4.	**Thiết bị thu tín hiệu vệ tinh GNSS** ***GNSS Receiver***	Độ chính xác phương ngang *Accuracy of Horizontal* ≥ (8 + 1×10^{-6}×D) mm [D]: mm	QT-HCMTTH-PHC:2025	8,0 mm
		Độ chính xác phương đứng *Accuracy of vertical* ≥ (15 + 1×10^{-6}×D) mm [D]: mm		9,0 mm

Chú thích/ ***Notes*****:**

- QT-HCM…: Quy trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ *Laboratory developed methods*
- (m): Độ lệch chuẩn đo cao trên 1 km đo đi đo về/ *Standard deviation for 1 km double-run levelling*
- (n): Thực hiện hiệu chuẩn trên khoảng cách D < 130 m/ *Calibration with distance D < 130 m*
- – [(1)]: Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, sử dụng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa/ *Calibration and Measurement Capability (CMC)* expressed *as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits*

Trường hợp Công ty Cổ phần Thiết bị và Tư vấn Đo đạc Xây dựng Sao Việt cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty Cổ phần Thiết bị và Tư vấn Đo đạc Xây dựng Sao Việt phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Sao Viet Equipment and Consultant Surveying Construction Joint-Stock Company that provides calibration, testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing these services.*